

Bản án số: **21/2020/DS-ST**

Ngày: **01 – 6 – 2020.**

V/v tranh chấp: “**Hợp đồng góp hui**”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST – DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 11/2020/QĐST- DS ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Thị T**, sinh năm 1948 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2019, bản tự khai ngày 02/3/2020 của bà Trần Thị T và quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày:*

Bà có tham chơi 06 dây hui do bà C làm chủ hui cụ thể như sau:

+ **Dây thứ 1:** Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 10/3/2017 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày mùng 10 hàng tháng, hụi gồm có 35 phần, bà tham gia chơi 02 phần. Hụi khui được 27 lần thì bị bể, bể vào ngày 10/4/2019 (âm lịch), hụi của bà là hụi sống, tổng số tiền bà đã đóng được là 37.800.000 đồng.

+ **Dây thứ 2:** Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 25/6/2017 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, hụi gồm có 36 phần, bà tham gia chơi 02 phần. Hụi khui được 22 lần thì bị bể, bể vào ngày 10/4/2019 (âm lịch), hụi của bà là hụi sống, tổng số tiền bà đã đóng được là 30.800.000 đồng.

+ **Dây thứ 3:** Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 20/7/2017 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, hụi gồm có 30 phần, bà tham gia chơi 02 phần. Hụi khui được 21 lần thì bị bể, bể vào ngày 10/4/2019 (âm lịch), hụi của bà là hụi sống, tổng số tiền bà đã đóng được là 29.400.000 đồng.

+ **Dây thứ 4:** Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 17/02/2018 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 17 hàng tháng, hụi gồm có 40 phần, bà tham gia chơi 02 phần. Hụi khui được 14 lần thì bị bể, bể vào ngày 10/4/2019 (âm lịch), hụi của bà là hụi sống, tổng số tiền bà đã đóng được là 19.600.000 đồng.

+ **Dây thứ 5:** Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 22/5/2018 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 22 hàng tháng, hụi gồm có 35 phần, bà tham gia chơi 02 phần. Hụi khui được 11 lần thì bị bể, bể vào ngày 10/4/2019 (âm lịch), hụi của bà là hụi sống, tổng số tiền bà đã đóng được là 15.400.000 đồng.

+ **Dây thứ 6:** Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 05/8/2018 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày mùng 5 hàng tháng, hụi gồm có 35 phần, bà tham gia chơi 02 phần. Hụi khui được 08 lần thì bị bể, bể vào ngày 10/4/2019 (âm lịch), hụi của bà là hụi sống, tổng số tiền bà đã đóng được là 11.200.000 đồng.

Tổng cộng 06 dây hụi bà C nợ bà là 144.200.000 đồng.

Ngoài ra, bà C còn nợ bà 1.500.000 đồng tiền hụi do bà đóng hụi cho bà T 5.000.000 đồng ở lần bị bể, sau đó bà C đã trả lại cho bà 3.500.000 đồng, nên còn nợ lại 1.500.000 đồng đến nay chưa trả (vì hụi bị bể nên không phải đóng).

Như vậy, tổng số tiền nợ hụi bà C nợ bà là 145.700.000 đồng, dù nhiều lần đến đòi nhưng bà C vẫn chưa trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà C cùng chồng là ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 145.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa: Bà T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

* *Tại bản tự khai ngày 02/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị C trình bày:*

Bà thống nhất với phần trình bày của bà T về nội dung các dây hụi cũng như số tiền nợ hụi hiện bà còn nợ bà T đúng là 145.700.000 đồng đến nay vẫn chưa trả nhưng ngày bể hụi thực tế là từ ngày 20/3/2019 (âm lịch).

Nay bà đồng ý cùng chồng là ông C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hui nêu trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 02 triệu đồng hoặc khi nào có tiền thì trả nhiều hơn do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn không trả 01 lần được.

* Đối với ông Nguyễn Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, mặc dù ông vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai.

* *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. **Riêng** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do là vi phạm quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Nay cả 02 bên đều thống nhất bà C còn nợ bà T 145.700.000 đồng tiền hui chưa trả, bà C là chủ hui nhưng không trả tiền góp hui lại cho hui viên khi hui bể là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hui; ông C là chồng hợp pháp của bà C, mục đích bà C làm chủ hui để trang trải kinh tế gia đình, nên cần buộc liên đới trả nợ cho bà T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà C và ông C liên đới trả 145.700.000 đồng và ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Bà T tham gia chơi 06 dây hui do bà C làm chủ hui, hui bị bể giữa chừng nên bà C còn nợ lại bà T 145.700.000 đồng chưa trả. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà C phải có nghĩa vụ liên đới với ông C trả số tiền nợ hui 145.700.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Đơn xác nhận ngày 16/12/2019

của Công an xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận bà C và ông C hiện đang sinh sống tại ấp Vinh Điền, xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

** Về nội dung:*

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà C và ông C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 145.700.000 đồng.

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy tay ghi 06 dây hụi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đều xác định giữa bà T và bà C có giao dịch chơi hụi với nhau, theo đó bà T có tham gia chơi 06 dây hụi do bà C làm chủ hụi với tên trong danh sách hụi viên là “*mợ 2 Nhứt*”, hàng tháng bà T thực hiện nghĩa vụ đóng hụi cho bà C đầy đủ nhưng do các dây hụi đều bị bể giữa chừng vào ngày 10/4/2019 (âm lịch), mà những phần hụi của bà T chơi đều còn sống, nên số tiền hụi bà C nợ lại bà T sau khi kết nợ lại của 06 dây hụi là 145.700.000 đồng đến nay chưa trả.

Bà C thừa nhận có giao dịch chơi hụi như bà T trình bày là đúng và hiện còn nợ bà T 145.700.000 đồng.

Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là giấy tay chơi hụi.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Từ cơ sở trên, xác định được giữa bà T và bà C có quan hệ giao dịch chơi hụi được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và sau khi hai bên chốt nợ lại thì bà C còn nợ bà T 145.700.000 đồng. Nay bà C là chủ hụi nhưng chưa thanh toán đầy đủ cho phía bà T số tiền hụi mà bà T đã đóng, khi hụi bị bể, là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hụi theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường, nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện bà T không có yêu cầu tính lãi suất.

[5]. Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới: Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo Biên bản xác minh tại Ủy ban xã Vang Quới Tây xác định ông C và bà C có đăng ký kết hôn từ năm 1980 là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau, điều này bà C cũng thừa nhận. Đồng thời việc bà C làm chủ hụi mục đích kiếm tiền huê hồng để trang trải kinh tế, nuôi con ăn học và phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, nay bà đồng ý cùng chồng có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét yêu cầu xin trả dần của bà C:

Bà C xin trả dần do hoàn cảnh đang khó khăn, bà T không đồng ý. *Hội đồng xét xử xét thấy*, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận toàn bộ, nên bà C và ông C phải liên đới chịu án phí của số tiền 145.700.000 đồng là:

$$145.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.285.000 \text{ đồng.}$$

Tuy nhiên, do ông C là người cao tuổi (66 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí Tòa án, nên ông C được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần của ông phải chịu tương ứng với số tiền là 7.285.000 đồng/2 = 3.642.500 đồng. Bà T phải chịu phần của bà là 3.642.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biêu, phường.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn C về việc “*Tranh chấp Hợp đồng góp hui*”.

2. Buộc bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ hui là 145.700.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị T không yêu cầu bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn C trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn C được miễn nộp toàn bộ án phí.

Bà Huỳnh Thị C phải chịu là 3.642.500 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên